

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang;

Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trọng Ngọc T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn ông Lê Trọng Ngọc T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thì thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh

phúc, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên ông Lê Trọng Ngọc T xin được ly hôn với bà Lê Thị L.

- Về con chung: Có 01 người con tên Lê Thuận A, sinh ngày 20/01/2015 (nam), hiện con đang sống chung với ông bà nội. Khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con là Lê Thuận A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2021 bị đơn bà Lê Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và vợ chồng tự nguyện sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì nên bà L đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thuận A, sinh ngày 20/01/2015 (nam), hiện cháu A đang sống chung với ông bà nội và đang đi học lớp 1. Khi ly hôn bà L và ông T đã thỏa thuận thống nhất giao con cho ông T được nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Trọng Ngọc T và bị đơn bà Lê Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02 tháng 01 năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông T xin ly hôn với bà L là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Về phía bà L cũng cho rằng khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và vợ chồng tự nguyện sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay và không thể tiếp tục duy trì nên bà L đồng ý ly hôn với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Ông T được ly hôn với bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lê Thuận A, sinh ngày 20/01/2015 (nam), khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con. Bà L cũng đồng ý giao con cho ông T được nuôi dưỡng và chăm sóc, sự thỏa thuận này của bà L và ông T không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con tên Lê Thuận A, sinh ngày 20/01/2015 (nam) cho ông T được nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Trọng Ngọc T. Ông Lê Trọng Ngọc T được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Lê Trọng Ngọc T nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Lê Thuận A, sinh ngày 20/01/2015 (nam).

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông T phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015309 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo